KẾT NỐI TRI THỨC | NGỮ VĂN

CHÌA KHÓA VĂN CHƯƠNG 12

Bồi dưỡng học sinh giỏi Ngữ văn lớp 12

BẢN ĐỌC THỬ

Trích từ Tập 1 và Tập 2

Tập 1. Lí luận và văn học sử qua tác phẩm

Tập 2. Kĩ năng làm bài và đề tổng hợp

Bản đọc thử gồm giới thiệu, mục lục và các phần trích tiêu biểu

TÀI LIỆU NGỮ VĂN THCS & THPT
KẾT NỐI TRI THỨC
Zalo: 0328.961.617
facebook.com/Nguvantrunghoc

Theo sách giáo khoa Ngữ văn 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống

MỤC LỤC

BẢN ĐỌC THỬ **3**

Về bộ sách 3

Hai điểm đặc sắc của bộ sách 6

Mục lục đầy đủ hai tập 7

ĐỌC THỬ TẬP 1 ..... **12**

Trích Chương 6. Một người cầm bút, ba cách nói: văn chính luận, truyện và thơ của Hồ Chí Minh 12

Đề thực hành 1.1. Tấn trò xen lẫn bi và hài: nỗi buồn ở đâu trong tiếng cười Vũ Trọng Phụng? 15

ĐỌC THỬ TẬP 2 ..... **25**

Trích Chương 14. Chữ "chưa hẳn": bản lĩnh riêng trong bài nghị luận văn học 25

Đề thực hành 14.1. Người cầm gươm dưới trăng có "chìm đắm" trong đoàn thể không? 29

Trích Phụ lục 39

Bộ sách đầy đủ 54

BẢN ĐỌC THỬ

Chìa khóa văn chương 12

Về bộ sách

"Chìa khóa văn chương 12" là bộ tài liệu bồi dưỡng học sinh giỏi Ngữ văn lớp 12 ở mức "về đích", viết theo sách giáo khoa Ngữ văn 12, bộ "Kết nối tri thức với cuộc sống", cho đội tuyển tỉnh và quốc gia. Đề thi ở chặng này hiếm khi nêu tên tác phẩm: tác phẩm phải nằm sẵn trong đầu thí sinh, và nhận định phải được đọc từng vế, từng chữ. Bộ sách luyện đúng hai việc ấy qua những văn bản học sinh đã học trên lớp, rồi đưa các em đến trước những ngữ liệu chưa ai giảng, những đề hai ý kiến, đề "chìa", đề so sánh, để viết một bài thi trọn vẹn trong một trăm tám mươi phút.

Tập	Nội dung	Quy mô
Tập 1. Lí luận và văn học sử qua tác phẩm	Mở đầu và bài chẩn đoán đầu vào; chín chương gắn với các bài trong sách giáo khoa Ngữ văn 12: tiểu thuyết, thơ, văn nghị luận, yếu tố kì ảo, hài kịch, tác gia Hồ Chí Minh, kí, khuynh hướng hiện thực phê phán, văn học và cuộc đời	36 đề thực hành trọn vẹn; 443 trang

Tập	Nội dung	Quy mô
Tập 2. Kĩ năng đội tuyển và đề tổng hợp	Sáu chương kĩ năng (đề khó, so sánh hai tác phẩm, ngữ liệu lạ, nghị luận xã hội gắn văn học, bản lĩnh riêng, đọc hiểu nâng cao); bộ bài tập luyện tay; sáu đề không kèm ngữ liệu; sáu đề tổng hợp; đề thật có phân tích; bốn bài làm hoàn chỉnh; sáu phụ lục	488 trang

Dành cho ai

- Học sinh đội tuyển lớp 12 cấp tỉnh và quốc gia, và học sinh khá giỏi muốn bứt lên mức giỏi.

- Thầy cô bồi dưỡng đội tuyển: mỗi chương dùng được cho hai đến ba buổi dạy; mỗi đề có phần đọc đề, dàn ý, hướng dẫn chấm theo ý và điểm, và đoạn viết tham khảo để chữa bài.

Ba nguyên tắc viết

- **Đúng đến từng chữ.** Mọi câu trích từ tác phẩm trong chương trình đều được đối chiếu với sách giáo khoa, sách giáo viên và ghi số trang. Câu nào chưa tìm được bản in để đối chiếu thì ghi "theo bản dẫn" hoặc chỉ diễn ý. Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa đều có nguồn: tác giả, tên bài, báo, ngày đăng.

- **Sâu mà giản dị.** Mỗi khái niệm đi từ một tác phẩm học sinh đã đọc, một lỗi có thật trong bài làm, hoặc một câu hỏi các em từng thắc mắc; thuật ngữ nào cũng đi kèm một câu giải nghĩa ngắn.

- **Luyện cho tới tay.** Bài tập Làm ngay có đáp án gợi ý; mỗi chương có ba đến bốn đề thực hành; dẫn chứng nghị luận xã hội là sự việc thật, ghi rõ báo nào, ngày nào.

Trong bản đọc thử

- Hai điểm đặc sắc của bộ sách, kèm mục lục đầy đủ hai tập.

- Trích Tập 1: phần mở đầu Chương 6 (tác gia Hồ Chí Minh); trọn vẹn Đề thực hành 1.1 về "Xuân Tóc Đỏ cứu quốc".

- Trích Tập 2: phần đầu Chương 14 (bản lĩnh riêng trong bài nghị luận văn học); trọn vẹn Đề thực hành 14.1; trích Phụ lục (những cặp khái niệm dễ nhầm).

Hai điểm đặc sắc của bộ sách

Thứ nhất: đọc kĩ ba chữ nhỏ trong đề

Nhận định đưa ra ở kì thi học sinh giỏi thường chỉ dài một hai câu, nhưng mỗi chữ trong đó đều nặng. Đề thực hành 1.1 mượn nhận xét của sách giáo viên về đoạn "Xuân Tóc Đỏ cứu quốc": một "màn hài kịch" mà "dáng dấp" mới chỉ là dáng dấp, tiếng cười "xen lẫn" bi, và cái bi ấy là chuyện "não nuột". Bộ sách dạy học sinh dừng lại ở từng chữ ấy, hỏi vì sao người nhận xét chọn nó mà không chọn chữ khác, rồi mới đi vào văn bản. Bài làm nhờ thế có chỗ để đứng riêng, không còn là bản liệt kê tình tiết.

Thứ hai: được phép phản biện, nhưng phản biện cho có bản lĩnh

Học sinh giỏi lớp 12 thường bị chấm điểm thấp vì hai lỗi trái ngược: đồng ý hết với nhận định, hoặc cãi cho có. Chương 14 dạy một con đường ở giữa: bốn cánh cửa chính đáng để phản biện, ba hàng rào không được vượt, bốn nhịp để đồng thuận mà vẫn có chỗ đứng riêng, và sáu dấu hiệu để tự nhận ra mình đang "cãi bướng". Đề thực hành 14.1 in trong bản đọc thử là một đề hai vế, cho phép thí sinh phản biện một vế bằng chính văn bản "Cảm hoài" trong sách giáo khoa.

Cách dạy ấy đi suốt cả bộ: mỗi thể loại, mỗi kiểu đề có một lối vào riêng, gắn với cách người đọc, người chấm thật sự đọc. Tập 2 còn đưa vào đề thật của kì thi học sinh giỏi quốc gia và các tỉnh để các em thấy người ra đề hỏi gì và hỏi như thế nào.

Mục lục đầy đủ hai tập

Số trang ghi theo bản đầy đủ của từng tập.

Tập 1. Lí luận và văn học sử qua tác phẩm

Phần, chương, đề	Trang
MỞ ĐẦU	5
Lời nói đầu	5
Cách dùng cuốn sách	7
Học sinh giỏi lớp 12 cần đạt tới đâu	10
Đề thi học sinh giỏi và cách chấm	13
Ba thói quen cần bỏ từ lớp 11	21
Bài chẩn đoán đầu vào	22
Chương 1. Ba nghìn người reo hò và một mâm cỗ chiều ba mươi: tiểu thuyết đọc xã hội bằng tiếng cười và bằng sự thấu hiểu	27
Đề thực hành 1.1. Tấn trò xen lẫn bi và hài: nỗi buồn ở đâu trong tiếng cười Vũ Trọng Phụng?	45
Đề thực hành 1.2. Nhìn bằng con mắt tin yêu mà không làm đẹp nhân vật: chuyện cái mâm cỗ và cái tên bị bỏ sót	55
Đề thực hành 1.3. Chiếc áo xuề xòa và con mắt người nhìn: một truyện ngắn lạ, mười một trăm chữ	64
Đề thực hành 1.4. Tiếng vỗ tay đến nhanh: danh tiếng ảo và giá trị thật	74
Chương 2. Bước vào một bài thơ: thế giới, nhịp thở và cánh cửa tu từ	81
Đề thực hành 2.1. “Tây Tiến”: cái “xa lạ” ấy làm nên bi tráng hay làm mờ nó?	96
Đề thực hành 2.2. “Đàn ghi ta của Lor-ca”: một ca khúc viết bằng chữ	104
Đề thực hành 2.3. Một bài thơ lạ về thời gian: đi trong dòng sông, hay chống lại nó	112

Phần, chương, đề	Trang
Đề thực hành 2.4. Một lời đã nói ra: chữ tín khi giữ lời có giá	120
Chương 3. Đọc một lập luận: người viết dựng niềm tin bằng cách nào	126
Đề thực hành 3.1. Một bài viết có giá trị vì hỏi gì và vì dẫn người đọc đi thế nào	143
Đề thực hành 3.2. Bốn câu thơ có đủ chỗ cho một tư tưởng lớn không	150
Đề thực hành 3.3. Làm cho khó thành dễ: sáng tạo mà không đánh mất bản chất	157
Đề thực hành 3.4. Cùng nhìn một việc, nghĩ khác đi: sáng tạo và cái giá của sự khác biệt	163
Chương 4. Kì ảo để làm gì: ranh giới thực ảo và nghề mượn truyện	169
Đề thực hành 4.1. Cái ảo đứng ra nói giúp cái thực: bàn về Bích Châu và cõi thủy quốc	182
Đề thực hành 4.2. Sương ở Hõm Chết: cái lạ chỉ là phông nền hay đã đổi người?	190
Đề thực hành 4.3. Căn nhà dưới núi Yên Tử: đọc một truyện lạ bằng bộ đồ nghề đã học	198
Đề thực hành 4.4. Mượn để làm mới, không mượn để tan đi	207
Chương 5. Cười ai, cười vì sao, và cười xong thì thương hay ghét	213
Đề thực hành 5.1. Hai câu nhận định, một đêm giấu vàng	228
Đề thực hành 5.2. Hai truyện cực ngắn và khung tiếng cười	235
Đề thực hành 5.3. Hai tiếng cười, hai thể loại: kịch cười nhẹ, tiểu thuyết cười gắt	243
Đề thực hành 5.4. Của để dành và giấc ngủ yên	250
Chương 6. Một người cầm bút, ba cách nói: văn chính luận, truyện và thơ của Hồ Chí Minh	257
Đề thực hành 6.1. Một văn kiện, hai chữ "tiếp nối" và "phát triển"	271
Đề thực hành 6.2. Hai tứ tuyệt, hai hoàn cảnh: cái cổ điển nào, cái hiện đại nào?	280

Phần, chương, đề	Trang
Đề thực hành 6.3. Người kể cười ai, và để Phan Bội Châu đứng ở đâu?	289
Đề thực hành 6.4. Soi đường cho quốc dân, và người trẻ cầm đèn	297
Chương 7. Chứng nhân có lăng kính: sự thật trong phóng sự và hồi kí	306
Đề thực hành 7.1. Nghệ thuật băm thịt gà: thật đến từng con số, đẹp đến từng nhịp dao	319
Đề thực hành 7.2. "Bước vào đời": người nhớ lại và sự thật được nhớ	329
Đề thực hành 7.3. Ngữ liệu lạ: một bài kí không đề tên thể loại	338
Đề thực hành 7.4. Một đêm thao thức: nói thật với mình để chọn đường đi	347
Chương 8. Con mắt nhìn thẳng: khuynh hướng hiện thực phê phán 1930 đến 1945 qua những trang văn các em đã học	355
Đề thực hành 8.1. Một đoạn tưởng chỉ để cười: cái "bất mãn" nằm ở đâu	369
Đề thực hành 8.2. Hai cuộc dàn xếp: một bên cười, một bên nén	377
Đề thực hành 8.3. Thử "mắt hiện thực" trên hai truyện cực ngắn của hôm nay	386
Đề thực hành 8.4. Im lặng cho yên chuyện hay lên tiếng cho đúng chuyện	393
Chương 9. Một dòng sông, một đời người: văn chương giữa cái chung và cái riêng	400
Đề thực hành 9.1. Một nỗi sợ hay một tình yêu? Đọc "Vội vàng" giữa hai lời bình	414
Đề thực hành 9.2. Ai thắng trong cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác?	422
Đề thực hành 9.3. Bến sông không ai tắm hai lần: một bài thơ lạ đặt cạnh "Vội vàng"	432
Đề thực hành 9.4. Vội để chạy hay vội để sống? Nhịp sống của người trẻ	438

Tập 2. Kĩ năng làm bài và đề tổng hợp

Phần, chương, đề	Trang
TẬP 2	4
Lời dẫn	4
Chương 10. Đề khó: đọc cho ra câu hỏi thật trước khi viết một chữ	8
Đề thực hành 10.1. Người lính Tây Tiến có "xa lạ" không?	25
Đề thực hành 10.2. Hai bài thơ cho ta thấy cái đã gặp mà chưa biết nhìn	36
Chương 11. Vì sao hai tác phẩm này đứng cạnh nhau? So sánh, đánh giá theo chuẩn sách giáo khoa 12	47
Đề thực hành 11.1. Lời giả được tung hô, lời thật không ai đáp: Xuân Tóc Đỏ và Chí Phèo	66
Đề thực hành 11.2. Nhạc vào thơ, hay thơ hóa thành nhạc: "Tây Tiến" và "Đàn ghi ta của Lor-ca"	76
Chương 12. Gặp văn bản lạ: đọc bằng công cụ trong tay, không đọc bằng trí nhớ	87
Đề thực hành 12.1. Bài thơ chưa ai dạy: ai đang "đẻ" ra ai?	104
Chương 13. Nghị luận xã hội gắn văn học: câu thơ mở cửa, đời sống mới là căn nhà	114
Đề thực hành 13.1. Làm "người dân" ở những nơi không ai chấm điểm	133
Đề thực hành 13.2. Mài gươm khi chưa biết ngày ra trận	142
Chương 14. Chữ "chưa hẳn": bản lĩnh riêng trong bài nghị luận văn học	151
Đề thực hành 14.1. Người cầm gươm dưới trăng có "chìm đắm" trong đoàn thể không?	167
Đề thực hành 14.2. Giữa hai vầng trăng: "Nguyên tiêu" có thép không?	177

Phần, chương, đề	Trang
Chương 15. Đọc hiểu nâng cao: hỏi nguồn của con số, hỏi chỗ lặng của bài thơ	187
Đề thực hành 15.1. Con số "ting ting" và tiếng vó trong đêm	204
Bộ bài tập nâng cao: luyện tay trước khi vào đề	214
Sáu đề không kèm ngữ liệu: tự chọn dẫn chứng	232
Đề tổng hợp 1. Tiếng gọi của đồng xanh và chiếc hũ tiết kiệm	264
Đề tổng hợp 2. Hạt giống và cơn bão	282
Đề tổng hợp 3. Người giữ nghề, người giữ vòng xòe, và sự thật trong trang kí	298
Đề tổng hợp 4. Nhìn lại nửa đời qua hai bài thơ, và chữ trung thực của người đi thi	315
Đề tổng hợp 5. Một cánh cửa mở cho người lầm lỗi, và hai chuyến trở về nhà	332
Đề tổng hợp 6. Giữ nếp nhà giữa các thế hệ, và sự thật trong trang hồi kí	354
Đề thật có phân tích: đọc đề của người chấm	369
Bốn bài làm hoàn chỉnh để đối chiếu	403
Phụ lục 1. Ngân hàng nhận định khối 12	422
Phụ lục 2. Barem chuẩn của sách	439
Phụ lục 3. Những cặp khái niệm dễ nhầm	449
Phụ lục 4. Bảng lỗi thường gặp của học sinh giỏi lớp 12	464
Phụ lục 5. Lộ trình ôn tập mười sáu tuần	474
Phụ lục 6. Tài liệu và nguồn ngữ liệu	479

ĐỌC THỬ TẬP 1

Lí luận và văn học sử qua tác phẩm

Trích Chương 6. Một người cầm bút, ba cách nói: văn chính luận, truyện và thơ của Hồ Chí Minh

Chương này đi cùng Bài 6 của sách giáo khoa Ngữ văn 12, tập hai (tr.4 đến 37): "Tác gia Hồ Chí Minh" (tr.6), "Tuyên ngôn Độc lập" (tr.13), "Mộ" và "Nguyên tiêu" (tr.18, 19), "Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu" (tr.21), bài thực hành tiếng Việt về tính khẳng định, phủ định (tr.27) và bài thực hành đọc "Vọng nguyệt", "Cảnh khuya" (tr.37). Phần này đối chiếu thêm sách giáo viên tập hai (SGV) ở các trang tương ứng. Văn bản "Những trò lố..." là bản dịch từ tiếng Pháp, nên khi bàn về nó, sách luôn nói rõ các em đang phân tích bản dịch trong sách.

Đọc một người viết ra ba giọng khác nhau

Các em đã học nhiều tác giả. Nhưng hiếm có tác giả nào buộc ta phải đổi cách đọc ngay trong một bài học như Hồ Chí Minh. Cùng một cây bút, mà trong một tuần học, các em gặp:

- một bản tuyên ngôn đọc tại Quảng trường Ba Đình, nói bằng giọng "trang nghiêm, rành rẽ, dứt khoát, hùng hồn" (SGV tr.13);

- một câu chuyện giễu nhại, kể bằng tiếng Pháp cho độc giả Pa-ri, cười một viên Toàn quyền mà chẳng cần gọi tên tội;

- hai bài tứ tuyệt chữ Hán, mỗi bài bốn câu, nói chuyện trăng, chuyện mây, chuyện lò than đêm tối.

Học sinh trung bình đọc ba thứ ấy bằng cùng một con mắt: tìm "nội dung yêu nước", tìm "nghệ thuật đặc sắc", rồi viết đại ý giống nhau cho cả ba. Học sinh giỏi thì hỏi trước một câu khác: **người viết đang nói với ai, để làm gì, và vì thế đã chọn giọng nào?** Chương này dạy các em đi từ câu hỏi ấy. Đây cũng là câu hỏi mà chính Hồ Chí Minh đặt cho người cầm bút, như sách giáo khoa đã ghi lại.

Bốn câu hỏi của người viết, đem hỏi lại chính người viết

Sách giáo khoa (tr.8) cho biết, từ kinh nghiệm viết báo của mình, Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc người cầm bút phải tự đặt ra và giải quyết bốn câu hỏi chính: Viết cho ai? Viết để làm gì? Viết cái gì? Viết như thế nào? Sách giáo khoa còn giải thích bốn câu này chạm cùng lúc những vấn đề lớn của giao tiếp bằng văn bản: hình dung cụ thể đối tượng tiếp nhận, xác định sáng rõ mục đích, chọn được nội dung phù hợp, tìm được hình thức truyền tải có hiệu quả.

Cái hay của chương này là các em có thể quay bốn câu hỏi ấy lại hỏi chính tác giả, trên từng văn bản. Bảng sau cho các em thấy ba bộ phận sáng tác mà sách giáo khoa (tr.9) gọi tên, văn chính luận, truyện và kí, thơ, khác nhau ở đâu.

	Văn chính luận (ví dụ "Tuyên ngôn Độc lập")	**Truyện ngắn (ví dụ "Những trò lố...")**	**Thơ chữ Hán (ví dụ "Mộ", "Nguyên tiêu")**
Viết cho ai	đồng bào cả nước, nhân dân thế giới, cả các thế lực thực dân, đế quốc (SGV tr.16)	độc giả Pháp và những người ủng hộ các dân tộc thuộc địa (bản tiếng Pháp, báo Người cùng khổ, SGK tr.26)	trước hết là chính mình; thơ trữ tình viết theo cảm hứng cá nhân (SGV tr.5)
Viết để làm gì	xác lập cơ sở pháp lí, bác bỏ luận điệu, khai sinh một nhà nước	góp tiếng nói ủng hộ phong trào đòi thả Phan Bội Châu; bóc trần kẻ cầm quyền	ghi lại trải nghiệm và suy ngẫm, "nỗi lòng" của người trong tù và người trong kháng chiến
Giọng	đanh thép, lí lẽ chặt, có khí lực	trào lộng, châm biếm, giễu nhại	điềm đạm, ung dung, cô đọng
Hình thức	bố cục chuẩn mực của một tuyên ngôn	kể nhiều điểm nhìn, kết mở có tái bút	tứ tuyệt, màu sắc cổ điển mà hiện đại

Bảng này không phải để học thuộc. Nó là cái khung để khi gặp một đề lạ, ví dụ đề cho một đoạn chính luận, một đoạn thơ, hoặc hỏi chung về "phong cách Hồ Chí Minh", các em biết bắt đầu từ đâu.

Đề thực hành 1.1. Tấn trò xen lẫn bi và hài: nỗi buồn ở đâu trong tiếng cười Vũ Trọng Phụng?

Đề bài (12,0 điểm)

Bàn về cảnh Xuân Tóc Đỏ hùng biện trước công chúng trong đoạn trích "Xuân Tóc Đỏ cứu quốc", sách giáo viên Ngữ văn 12, tập một, viết:

> Cảnh Xuân Tóc Đỏ hùng biện có dáng dấp của một màn hài kịch. Việc người kể chuyện thêm vào một số ghi chú (được đặt trong ngoặc đơn) khi thuật lại nguyên lời của Xuân Tóc Đỏ càng thể hiện rõ điều đó. [...] Chính nó thể hiện rõ cảm quan của Vũ Trọng Phụng về hiện thực. Theo ông, tất cả những gì đang diễn ra trong xã hội đều là một tấn trò não nuột, xen lẫn bi và hài.
>
> *(Sách giáo viên Ngữ văn 12, tập một, Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, tr.24)*

Đọc đoạn văn sau trong "Xuân Tóc Đỏ cứu quốc" (trích "Số đỏ", Vũ Trọng Phụng):

> Hỡi công chúng! Mi chưa hiểu rõ những lẽ cực kì to tát nó khiến ta phải đành nhường giải cho nhà vô địch Xiêm La! Quần chúng nông nổi ơi! Mi đã biết đâu cái lòng hi sinh cao thượng vô cùng, (nó vỗ vào ngực) nó khiến ta phải từ chối danh vọng riêng của ta đi, để góp một phần vào việc tiến bộ trong trật tự và hoà bình của Tổ quốc! Giữa cái giờ rất nghiêm trọng này, điều cốt yếu của người xả thân cứu nước không phải là chỉ nghĩ đến mình, nghĩa là không phải là cốt được một ván đánh quần, nhưng mà là cốt giữ cái mối thiện cảm của một nước lân bang (nó đấm tay xuống không khí)! [...] Ta chỉ phụng sự công cuộc ngoại giao của Chính phủ mà thôi! Ta (nó giơ cao tay lên) không muốn cho hàng vạn mạng người làm mồi cho binh đao, mắc lừa bọn buôn súng! (nó đập tay xuống). Hỡi quần chúng! Mi không hiểu gì, mi oán ta! Ta vẫn yêu quý mi mặc lòng mi chẳng rõ lòng ta!...

Thôi giải tán đi, và cứ việc an cư lạc nghiệp trong hoà bình và trật tự! Ta không dám tự phụ là bậc anh hùng cứu quốc, nhưng ta phải tránh cho mi nạn chiến tranh rồi! Hoà bình vạn tuế! Hội Quốc liên vạn tuế!

Với cái hùng biện của một người đã thổi loa cho những hiệu thuốc lậu, với cái tự nhiên của một anh lính cờ chạy hiệu rạp hát, lại được ông Văn Minh vặn đĩa kèn, Xuân Tóc Đỏ đã chinh phục quần chúng như một nhà chính trị đại tài của Tây phương. Mấy nghìn người bị gọi là mi, không những đã chẳng tức giận chút nào, lại còn vô cùng cảm phục, cho rằng người ta "phải thế nào" người ta mới dám ngôn luận tự do như thế! [...]

Như một bậc vĩ nhân nhũn nhặn, nó giơ quả đấm chào loài người, nhảy xuống đất, lên xe hơi. Rồi mấy chiếc xe của các bạn thân của nó mở máy chạy, để lại cái đám công chúng mấy nghìn người bùi ngùi và cảm động.

(Vũ Trọng Phụng, "Số đỏ", NXB Văn học, Hà Nội, 1988, tr.187 đến 193; Ngữ văn 12, tập một, tr.16, 17)

Chú thích (theo sách giáo khoa, rút gọn):

- "Văn đĩa kèn": ý nói nhân vật Văn Minh mớm lời cho Xuân Tóc Đỏ như bật một đĩa hát.

- "Hội Quốc liên": một tổ chức liên chính phủ, thành lập năm 1920, tiền thân của tổ chức Liên hợp quốc.

- "Cứu quốc": nhan đề đoạn trích là một phần tên chương XX của tiểu thuyết "Số đỏ".

Anh/chị hãy phân tích đoạn văn trên và các chi tiết liên quan trong đoạn trích "Xuân Tóc Đỏ cứu quốc" để bàn về nhận xét của sách giáo viên.

Chữ nhỏ trong đề: ba chỗ dễ trượt chân

Đề này không khó ở chỗ phải tìm ý lạ. Nó khó ở chỗ có ba chữ nhỏ mà bài làm vội sẽ trượt.

Chữ thứ nhất: "dáng dấp". Sách giáo viên không viết "là một màn hài kịch" mà viết "có dáng dấp của một màn hài kịch". Vũ Trọng Phụng viết tiểu thuyết, không viết kịch. Điều nhận xét muốn nói là: tiểu thuyết **mượn một đặc điểm hình thức của kịch** (ghi chú chỉ dẫn diễn xuất) để phục vụ ý đồ của mình. Bài làm viết "đây là hài kịch" là gán nhầm thể loại.

Chữ thứ hai: "xen lẫn". Câu kết không nói "vừa bi vừa hài" như hai nửa đứng cạnh nhau, mà nói "xen lẫn": hai thứ trộn vào nhau, có khi trong cùng một chi tiết. Bài làm chia đôi thân bài, nửa trước nói hài, nửa sau nói bi, đã cắt rời điều sách nói là không rời.

Chữ thứ ba: "não nuột". Đây là chữ nặng nhất của câu. Mọi bài đều tìm ra chỗ hài, vì tiếng cười của đoạn trích quá hiển nhiên. Cái làm nên khác biệt giữa bài khá và bài giỏi là **chỉ ra nỗi buồn nằm ở đâu**, và cũng phải chỉ ra nó **không** nằm ở đâu. Xuân Tóc Đỏ không bị đoạn trích thương xót, nên "não nuột" không dành cho nhân vật.

Khi gặp đề dạng "một nhận định của sách giáo viên về một tính chất của đoạn trích", các em nên đi qua ba bước riêng của đề này.

Ba lần đọc, mỗi lần một câu hỏi

Lần đọc thứ nhất: gọi tên cái "kịch"

TÀI LIỆU NGỮ VĂN THCS & THPT
KẾT NỐI TRI THỨC
Zalo: 0328 961 617
facebook.com/Nguvantrunghoc

Đọc đoạn ngữ liệu và gạch dưới tất cả các ghi chú trong ngoặc đơn: "(nó vỗ vào ngực)", "(nó đấm tay xuống không khí)", "(nó giơ cao tay lên)", "(nó đập tay xuống)". Hỏi: ai là người chen các ghi chú này vào, và nó làm Xuân hiện ra như thế nào? Câu trả lời: người kể chuyện, và Xuân hiện ra như một **diễn viên đang diễn bài đã thuộc**. Nối với "văn đĩa kèn": diễn viên này còn không tự nghĩ lời, lời đến từ người nhắc.

Lần đọc thứ hai: tìm đúng nghĩa "tấn trò"

Hỏi: nếu có một tấn trò, thì ai là người diễn, ai là khán giả, ai là đạo diễn? Đừng trả lời "Xuân là diễn viên, công chúng là khán giả". Đoạn trích còn có Văn

Minh (mớm lời), quan chức trên khán đài (ra lệnh cho trận thua), Tổng cục thể thao (sắp xếp sự cố), và đám đông **vừa là khán giả vừa là kẻ bị diễn cho xem**. Nhìn như thế, "tấn trò" mở rộng ra cả xã hội, đúng với nhận xét của sách giáo viên: "tất cả những gì đang diễn ra trong xã hội".

Lần đọc thứ ba: lần ra "bi"

Hỏi: sau tiếng cười, người đọc còn lại gì? Gạch dưới hai chỗ: "Mấy nghìn người bị gọi là mi, không những đã chẳng tức giận chút nào, lại còn vô cùng cảm phục" và "để lại cái đám công chúng mấy nghìn người bùi ngùi và cảm động". Hỏi tiếp: những người này **được** gì, **mất** gì? Họ được một cảm xúc, mất khả năng phân biệt thật giả. Đó là nơi đặt chữ "não nuột".

Dàn ý đáp án

Giải thích (1,0 điểm)

- "Dáng dấp của một màn hài kịch": cảnh hùng biện có vẻ ngoài giống một màn diễn gây cười; dấu hiệu rõ nhất theo sách giáo viên là các ghi chú trong ngoặc đơn mượn từ kịch.

- "Cảm quan của Vũ Trọng Phụng về hiện thực": cách nhà văn nhìn nhận, cảm nhận hiện thực; ghi chú ấy không chỉ là hình thức, nó cho thấy nhà văn nhìn xã hội như một màn diễn.

- "Tấn trò não nuột, xen lẫn bi và hài": xã hội hiện lên như một cuộc diễn vừa gây cười (cái lố bịch, giả dối) vừa gây buồn, xót xa (cái mất chuẩn mực, đảo điên); hai sắc thái đan vào nhau.

- Vấn đề cần bàn: tiếng cười và nỗi buồn trong cảnh hùng biện thể hiện thế nào, và vì sao hai thứ ấy không tách rời.

Cơ sở lí luận (1,5 điểm)

- Theo sách giáo khoa, tiểu thuyết hiện đại có "khả năng tổng hợp cao mọi thành tựu hay kinh nghiệm nghệ thuật của các thể loại văn học khác" (tr.10): ghi chú kiểu kịch trong tiểu thuyết là một biểu hiện.

- Nói mỉa là biện pháp tu từ thể hiện "thái độ mỉa mai hay sự đánh giá mang tính phủ định ngầm ẩn", tạo từ "mâu thuẫn cố ý giữa phần hiển ngôn và phần hàm ngôn"; nghịch ngữ thường là phương tiện của nói mỉa (tr.10). Các biện pháp ấy là công cụ tạo tiếng cười của đoạn trích.

- Phong cách hiện thực quan tâm mô tả "như thật" hiện thực phức tạp của cuộc sống và loại trừ sự tô vẽ, lí tưởng hoá (tr.10). Nhà văn hiện thực vạch trần mặt trái, nên tiếng cười của ông luôn có cái nền của một thái độ phê phán: "cảm hứng vạch trần sự thật" (tr.17).

- Một lưu ý về khái niệm: "bi" ở đây không có nghĩa là bi kịch của một nhân vật bị thương xót, mà là **nỗi buồn, nỗi xót xa của người đọc trước thực trạng của xã hội** (đây là cách hiểu hợp lí từ câu sách giáo viên, người viết cần nói rõ khi dùng).

Phân tích, chứng minh (5,0 điểm)

Luận điểm 1. Chất hài: một màn diễn có bài bản (1,5 điểm).

- Ghi chú ngoặc đơn: nó vỗ, đấm, giơ tay, đập tay. Người kể chuyện biến lời diễn thuyết thành một màn diễn có điệu bộ, làm cái nghiêm trang bị bóc ra thành cái lố bịch.

- Tình huống phi lí có cơ sở hiện thực (SGV tr.23): một kẻ cố ý thua được tung hô là "vĩ nhân". Xuân nói về "lòng hi sinh cao thượng", "người xả thân cứu nước" trong khi chỉ làm theo lệnh.

- Nói mỉa: "Như một bậc vĩ nhân nhũn nhặn, nó giơ quả đấm chào loài người" (hiển ngôn trọng vọng, hàm ngôn chế giễu); nghịch ngữ "giơ quả đấm chào" (SGV tr.35).

- Tương phản giữa lời nói và nguồn gốc lời nói: "cái hùng biện của một người đã thổi loa cho những hiệu thuốc lậu", "lại được ông Văn Minh vặn đĩa kèn": giọng diễn thuyết của một nhà chính trị đại tài được lắp ghép từ những thứ rẻ tiền.

- Từ ngữ thiêng liêng đặt cạnh cách xưng hô suồng sã ("Mi", "ta", "Quần chúng nông nổi ơi!"): SGV (tr.24) gọi là "đánh tráo khái niệm", "đánh lộn sòng giá trị".

Luận điểm 2. Tấn trò nhiều diễn viên (1,25 điểm).

- Ván quần không phải cuộc thi thể thao thuần túy mà là một vở diễn ngoại giao: quan chức ba chính phủ trên khán đài, vị Giám đốc chính trị bỏ khán đài chạy xuống sân, lời nhắn "Thua đi! Nhường đi! Được thì chết! Chiến tranh!".

- Mỗi nhân vật đều diễn một vai: ông bầu Văn Minh "đứng ngạc nhiên há hốc mồm" rồi lại "thất thanh khẽ bảo" Xuân thua, rồi lại biến thành người dạy lời; Tổng cục thể thao "cứu chữa sự sai hẹn của mình trước công chúng".

- Đám đông cũng là một vai: vỗ tay, la ó, hô "Quốc sỉ! Về nhà bò!", rồi hô "Xuân Tóc Đỏ vạn tuế! Sự đại bại vạn tuế!". Chuyển từ mắng sang tung hô chỉ vì nghe một bài diễn thuyết.

Luận điểm 3. Chất bi: nỗi buồn của một xã hội mất chuẩn mực (1,5 điểm).

- Nỗi buồn thứ nhất, của **đám đông**: hàng nghìn người bị lừa mà "vô cùng cảm phục", còn tự nhủ rằng "phải thế nào" mới dám nói như thế; đoạn trích kết bằng hình ảnh họ "bùi ngùi và cảm động" trước một điều giả. Đó là biểu hiện của "trạng thái bị thôi miên và lên đồng của một xã hội" (SGK, câu 8, tr.18).

- Nỗi buồn thứ hai, của **các giá trị**: "hi sinh", "xả thân", "cứu quốc", "hòa bình" bị dùng để đặt tên cho một trò mặc cả. SGV (tr.24): "các giá trị trong xã hội bị đánh lộn sòng."

- Nỗi buồn thứ ba, của **một đất nước bị đặt ngoài cuộc chơi**: nước nhà chỉ xuất hiện như quân cờ trong tay quan Toàn quyền, Thống sứ; việc được thua của một người Việt do người khác quyết định.

- Cần lưu ý: nỗi buồn này không dành cho Xuân Tóc Đỏ. Trong cảnh hùng biện, người kể gọi hắn là "nó".

Luận điểm 4. Bi và hài "xen lẫn" trong cùng một chi tiết (0,75 điểm).

- Tiếng vỗ tay của đám đông: buồn cười vì họ vỗ tay cho một kẻ cố tình thua; xót xa vì họ vỗ tay thật lòng.

- Câu cuối: "bậc vĩ nhân nhũn nhặn" là cái cười; "bùi ngùi và cảm động" là cái buồn; hai thứ chạm vào nhau trong cùng một đoạn.

- Vì vậy chiều sâu của đoạn trích nằm ở **sự cùng tồn tại**: người đọc cười, rồi đứng lại, rồi thấy mình đang cười một điều đáng lo.

Bàn luận, mở rộng (1,5 điểm)

- Giá trị của nhận xét: nó giúp người đọc không dừng ở nụ cười, thấy đằng sau là một cảm quan hiện thực u ám; nó cũng cho thấy ghi chú ngoặc đơn không phải trò mẹo hình thức.

- Giới hạn cần thấy: nhận xét nói về **cảnh hùng biện**, không nên suy rộng thành mọi chương của "Số đỏ" đều "bi và hài" như nhau. Em chỉ nên khái quát lên toàn tác phẩm khi dựa vào phần giới thiệu của sách giáo khoa: "đều toát lên sự khinh bỉ sâu sắc cái xã hội đương thời" (tr.17).

- Liên hệ mở: SGV (tr.25, 26) gợi hỏi: trạng thái bị thôi miên, lên đồng theo đám đông có còn tồn tại trong xã hội hôm nay không, và con người cần tâm thế sống thế nào để không hùa theo. Hướng trả lời của bài: đặt câu hỏi "ai nhắc bài cho người đang nói, và mình có thói quen vỗ tay trước khi hiểu không?".

Biểu điểm

Mục	Điểm	Ghi chú
a. Cấu trúc	0,5	Mở, thân, kết; thân bài có đoạn riêng cho hài, tấn trò, bi
b. Xác định vấn đề	0,5	Phải bàn về cả "hài kịch" lẫn "bi", nêu được "xen lẫn"

Mục	Điểm	Ghi chú
c1. Giải thích	1,0	Có ý "dáng dấp" (không đồng nhất với kịch): 0,25
c2. Cơ sở lí luận	1,5	Có nói mỉa, nghịch ngữ và phong cách hiện thực: 1,0; có phân biệt "bi" của xã hội với "bi" của nhân vật: 0,5
c3. Phân tích, chứng minh	5,0	Chỉ có hài, không có bi: tối đa 2,5. Có bi nhưng chia rời hai nửa: tối đa 3,75. Đủ bốn luận điểm, bi và hài đan vào nhau: từ 4,25
c4. Bàn luận	1,5	Có giới hạn của nhận xét: 0,75
d. Chính tả, ngữ pháp	0,5	
e. Sáng tạo	1,5	Ví dụ: chỉ ra cách người kể gọi Xuân bằng chữ "nó" trong cảnh hùng biện; nối "văn đĩa kèn" với "tấn trò"; nhìn đám đông vừa là khán giả vừa là kẻ bị diễn cho xem
Tổng	12,0	

Một đoạn bài làm và lời bình

Nỗi buồn của đoạn trích không nằm ở Xuân Tóc Đỏ mà nằm ở những người vỗ tay cho hắn. Trong cuộc hùng biện, người kể gọi Xuân bằng chữ "nó" lạnh lùng, và ghi từng cái vỗ ngực, đấm tay như đang chép lời chỉ dẫn cho một diễn viên. Nhưng khi tả đám công chúng, giọng văn đổi khác. Mấy nghìn người

bị gọi là "mi" mà "không những đã chẳng tức giận chút nào, lại còn vô cùng cảm phục", rồi đoạn trích khép lại ở hình ảnh họ "bùi ngùi và cảm động". Người đọc cười, vì họ cảm động trước một kẻ cố tình thua để lấy lòng ba chính phủ. Nhưng cái cười ấy nghẹn lại ở chữ "bùi ngùi": họ cảm động thật. Ở đây, hài và bi không đứng hai bên. Chính độ chân thành của đám đông làm cho trò hề trở nên đáng buồn, và chính sự đáng buồn ấy làm tiếng cười của Vũ Trọng Phụng có sức nặng hơn một tiếng cười giải trí.

Lời bình: đoạn mẫu dựa vào hai chi tiết thật trong văn bản (cách gọi "nó", các ghi chú ngoặc đơn) và hai cụm trích đúng, rồi đi đến một phát hiện: nỗi buồn thuộc về đám đông, không thuộc về nhân vật. Đó là chỗ vừa trả lời đúng chữ "não nuột", vừa tránh nhầm "bi" với bi kịch của Xuân. Các em để ý đoạn mẫu không dùng câu mở kiểu "Có thể nói", mỗi câu đều có một chi tiết.

Lỗi hay gặp riêng của đề này

Gọi cảnh hùng biện là "hài kịch" thay vì "có dáng dấp của hài kịch". Điểm bị trừ ở mục xác định vấn đề và giải thích vì bỏ qua chữ then chốt.

Chỉ phân tích hài, rồi một câu cuối nói "ngoài ra còn có bi". Mục này cho phần bi tối đa chừng 0,5 điểm trong c3. Bi phải có chi tiết và lập luận như hài.

Gán nỗi buồn cho Xuân Tóc Đỏ ("đáng thương", "nạn nhân"). Đoạn trích không cho phép đọc thế: người kể gọi hắn là "nó" trong cảnh hùng biện, tả hắn như "anh lính cờ chạy hiệu rạp hát". SGV (tr.24) còn viết hắn là kẻ "láu cá" đã "chui sâu, leo cao".

Khái quát mọi chương của "Số đỏ" từ một cảnh. Bài chỉ có đoạn trích thì giữ chữ "trong cảnh hùng biện", "trong đoạn trích"; chữ "toàn tác phẩm" chỉ dùng khi bám phần giới thiệu của sách giáo khoa.

Gán những câu không có trong sách cho Vũ Trọng Phụng. Câu "tấn trò não nuột, xen lẫn bi và hài" là lời của sách giáo viên khi nói về cảm quan của ông; bài làm phải ghi "sách giáo viên nhận xét".

Đề mở rộng

- Đọc phần "Thực hành tiếng Việt" (SGK tập một, tr.26, 27) và chọn ba câu trong đoạn trích có cả nói mỉa lẫn nghịch ngữ. Với mỗi câu, chỉ ra cụm từ nghịch ngữ và nói rõ nó phục vụ ý mỉa mai nào. Gợi ý: chú ý các câu có chữ "vĩ nhân", "cứu quốc", "hi sinh cao thượng".

- Sách giáo viên viết rằng việc dùng đan xen từ ngữ tiếng Pháp trong ngôn ngữ trần thuật "thể hiện được tính chất lai căng, pha tạp của một xã hội đã để mất chuẩn mực đánh giá" (SGV tập một, tr.25). Tìm trong đoạn trích hai ví dụ và bàn: tiếng Pháp được phỏng nhại có làm nên tiếng cười, và tiếng cười ấy hướng vào ai?

ĐỌC THỬ TẬP 2

Kĩ năng đội tuyển và đề tổng hợp

Trích Chương 14. Chữ "chưa hẳn": bản lĩnh riêng trong bài nghị luận văn học

Hãy hình dung một buổi chấm bài. Bốn mươi bài làm cho cùng một nhận định. Người chấm đọc đến bài thứ mười thì đã đoán được bài thứ mười một: mở bài nhắc tên nhà phê bình, thân bài ba luận điểm "chứng minh nhận định đúng", kết bài khẳng định lại "nhận định hoàn toàn đúng đắn". Bài nào cũng đủ ý, bài nào cũng sạch lỗi, và bài nào cũng như bài nào.

Rồi đến bài thứ ba mươi hai, người chấm dừng lại. Câu mở bài viết: "Nhận định này đúng, nhưng chỉ đúng với một nửa tác phẩm." Em ấy không cãi lại nhà phê bình. Em chỉ nói thêm một điều: có một nửa tác phẩm mà nhận định ấy chưa với tới, và em sẽ chỉ ra nửa ấy ở đâu bằng chính chữ của tác phẩm. Bài ấy không hoàn hảo, nhưng người chấm nhớ đến giờ. Vì đó là bài duy nhất trong bốn mươi bài **có người đang nghĩ**.

Chương này nói về chuyện ấy: làm thế nào để bài nghị luận văn học có một giọng riêng, mà không biến thành bài "cãi bướng". Có thể gọi nó là bản lĩnh, vì nó cần can đảm nhưng cũng cần kỉ luật. Có can đảm mà thiếu kỉ luật thì thành liều lĩnh. Có kỉ luật mà thiếu can đảm thì thành bài nào cũng như bài nào.

Chương này dùng một số ví dụ từ sách giáo khoa Ngữ văn 12 (tập hai, tr.93 đến 95, bài "Vội vàng"); mọi chữ trích đều đã đối chiếu với bản in. Những câu nêu làm ví dụ nhận định, nếu không ghi nguồn, là **câu tự đặt để minh họa**, không phải lời của một nhà phê bình có thật, để các em khỏi nhầm.

Hai lối đi cho một nhận định: đồng ý hết, hay có phản biện

Đề nghị luận văn học dạng bàn về một nhận định thường kết thúc bằng một câu quen thuộc: "Anh/chị hãy bàn về ý kiến trên" hoặc "Anh/chị có đồng ý với ý kiến trên không? Vì sao?". Từ câu lệnh ấy, bài làm có thể đi theo ba lối.

Lối đi	Bài làm trông thế nào	Tầm bài
Đồng thuận thuần	Giải thích nhận định, rồi chọn dẫn chứng chứng minh nhận định đúng, kết luận đúng hoàn toàn	Khá nếu phân tích tốt; khó vượt khá vì không có góc nhìn riêng
Phản bác	Nói nhận định sai, đưa dẫn chứng bác bỏ	Giỏi nếu nhận định thật sự có chỗ sai; rất dễ đổ nếu nhận định đúng, vì bài sẽ cãi với một điều đã đúng
Đồng thuận có phản biện	Nhận phần đúng, chỉ ra phần chưa trọn, chứng minh bằng tác phẩm, rồi dựng một quan niệm đầy đủ hơn	Thường được điểm cao nhất, nếu giữ được kỉ luật

Cần nhấn mạnh hai chữ "nếu" ở dòng cuối. Lối đi thứ ba không phải là lối an toàn. Nó khó hơn hai lối kia vì phải nhận và phải chỉ, phải đồng ý và phải nói thêm, và cả hai đều bằng chứng cứ.

Có điều các em cần phân biệt kĩ. **Phản biện không phải là phản đối.** Phản đối nói "không". Phản biện nói "đúng, và còn như thế này nữa", hoặc "đúng trong chừng này, nhưng đến chừng kia thì cần xét lại". Một bài phản biện giỏi khiến người đọc cảm giác nhận định ban đầu được hiểu **kĩ hơn**, chứ không bị đánh đổ.

Ghi nhớ: phản biện là một cách đọc nhận định kĩ hơn người khác, không phải một cách đứng ở phía đối lập.

Khi nào được phép phản biện: bốn cánh cửa

Nhiều em hỏi: "Nhận định của nhà phê bình nổi tiếng, em là học sinh, em có được phản biện không?" Câu trả lời là: được, nhưng chỉ khi có một trong bốn cánh cửa dưới đây mở ra. Không có cánh cửa nào, em đứng ở đó mà cãi là không có căn cứ.

Cánh cửa 1: nhận định tuyệt đối hóa. Dấu hiệu là những chữ như "chỉ", "duy nhất", "luôn luôn", "không bao giờ", "hoàn toàn", "từ xưa không có". Nhận định càng tuyệt đối càng dễ có ngoại lệ. Câu minh họa (tự đặt): "Thơ trữ tình chỉ là tiếng nói của cảm xúc cá nhân." Chữ "chỉ" mở cửa ngay: có bài thơ trữ tình nói về cảm xúc cá nhân và đồng thời mang cả suy tư về thời đại. Em không cần bác cả câu. Em chỉ cần chỉ ra chữ "chỉ" quá chật.

Cánh cửa 2: nhận định bỏ sót một mặt của tác phẩm. Nhận định đúng với điều nó nói, nhưng điều nó không nói lại quan trọng. Câu minh họa: "Bài thơ này là bài ca về niềm vui sống." Em đọc kĩ, thấy bài thơ còn một lớp lo âu đi cùng niềm vui. Nhận định không sai, nhưng thiếu. Cánh cửa này an toàn nhất, vì em không phủ nhận mà **bổ sung**.

Cánh cửa 3: nhận định đúng ở phạm vi này, chưa đúng ở phạm vi khác. Nhận định về "văn học thời kì X", mà trong thời kì ấy có tác phẩm đi ngược. Hoặc nhận định về cả tác phẩm, mà chỉ đúng với một đoạn. Em hỏi: nhận định này đúng ở **tầng nào**, **chặng nào**, **thể loại nào**? Chữ "đại thể" là chữ giúp ta ở đây: nhà phê bình khái quát về đại thể thì ngoại lệ không lật được khái quát, nhưng cho ta thấy giới hạn của nó.

Cánh cửa 4: nhận định đúng nhưng diễn đạt dễ gây hiểu lầm. Một ý đúng, nhưng lời nói có thể khiến người đọc hiểu quá. Em không phản biện ý, em phản biện cách nói: "Ý này đúng nếu hiểu là… còn nếu hiểu là… thì cần cân nhắc."

Bây giờ là phần cần nhớ kĩ: những lúc **không** được mở cửa.

- **Khi nhận định đúng và em chỉ muốn khác.** Muốn khác người không phải lí do. Nếu em đọc kĩ mà thấy nhận định đúng, hãy đồng ý, và dành sức cho phần phân tích sâu hơn.

- **Khi em chưa đọc kĩ nhận định.** Rất nhiều bài "phản biện" hóa ra đang cãi với một nhận định mà người viết đã hiểu sai. Đọc ba lượt trước khi quyết định.

- **Khi em chưa có dẫn chứng từ tác phẩm.** Phản biện bằng cảm tưởng ("em thấy không phải thế") không phải phản biện.

- **Khi đề không cho phép.** Câu lệnh "Anh/chị hãy chứng minh" khác "Anh/chị hãy bàn". Đề đã bảo chứng minh thì em chứng minh; phần phản biện nhỏ vẫn được phép, nhưng không thành trục bài.

Đề thực hành 14.1. Người cầm gươm dưới trăng có "chìm đắm" trong đoàn thể không?

Đề bài (12,0 điểm)

Trong tiểu luận "Một thời đại trong thi ca", Hoài Thanh viết:

"[...] Bởi nó mang theo một quan niệm chưa từng thấy ở xứ này: quan niệm cá nhân. Xã hội Việt Nam từ xưa không có cá nhân. Chỉ có đoàn thể: lớn thì quốc gia, nhỏ thì gia đình. Còn cá nhân, cái bản sắc của cá nhân chìm đắm trong gia đình, trong quốc gia như giọt nước trong biển cả. Cũng có những bậc kì tài xuất đầu lộ diện. [...] Mỗi khi nhìn vào tâm hồn họ hay đứng trước loài người mênh mông, hoặc họ không tự xưng, hoặc họ ẩn mình sau chữ *ta*, một chữ có thể chỉ chung nhiều người." (Ngữ văn 11, tập một, tr.86)

Đọc bài thơ sau của Đặng Dung (bản dịch nghĩa và dịch thơ in trong sách giáo khoa):

Cảm hoài (Nỗi lòng)

Thế sự du du nại lão hà,
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.
Thời lai đồ điếu thành công dị,
Vận khứ anh hùng ẩm hận đa.
Trí chủ hữu hoài phù địa trục,
Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà.
Quốc thù vị báo đầu tiên bạch,
Kỉ độ Long Tuyền đới nguyệt ma.

Việc đời dằng dặc, mà ta đã già, biết làm thế nào?
Trời đất không cùng, thu cả vào cuộc say ca.
Gặp thời, người hàng thịt, kẻ đi câu cũng dễ thành công,
Lỡ vận, những bậc anh hùng cũng đành nuốt hận.

Giúp chúa, những muốn xoay trục đất,
Rửa binh khí, tiếc không có lối kéo sông Ngân xuống.
Thù nước chưa trả được, mà đầu đã bạc,
Bao phen mài gươm Long Tuyền dưới trăng.

Thế sự ngổn ngang đã vội già,
Đất trời bất tận cuộc say ca.
Gặp thời đồ điếu công thành dễ,
Lỡ vận anh hùng hận xót xa.
Phò chúa dốc lòng nâng trục đất,
Tẩy binh khôn lối kéo Ngân Hà.
Quốc thù chưa trả đầu sao bạc,
Bao độ mài gươm ánh nguyệt tà.

(Đặng Dung, "Cảm hoài", Ngữ văn 12, tập một, tr.42, 43; dịch thơ: Nguyễn Khắc Phi)

Chú thích (theo sách giáo khoa, rút gọn): "hàm ca" là uống rượu say mà hát hoặc chìm đắm trong say sưa, ca múa; "đồ điếu" là người làm nghề giết mổ và người câu cá, liên hệ Phàn Khoái (bán thịt) và Hàn Tín (câu cá), về sau cả hai làm nên nghiệp lớn; "xoay trục đất" (phù địa trục) là xoay chuyển tình thế, thay đổi vận mệnh đất nước; "tẩy binh" là chấm dứt chiến tranh, lập lại cuộc sống hòa bình; "Long Tuyền" là gươm quý, biểu tượng hoài bão hành đạo giúp đời.

Bằng việc phân tích "Cảm hoài", anh/chị hãy bàn về ý kiến của Hoài Thanh: "Xã hội Việt Nam từ xưa không có cá nhân."

Đề này thật ra hỏi gì

Đề này đứng ở một chỗ rất đặc biệt: nhận định **tuyệt đối** và nhận định ấy lại **nói về cả một xã hội, một thời kì dài**, nhưng bài thơ được đưa ra để bàn chỉ có tám dòng. Người ra đề muốn biết:

1. Các em đọc nhận định có chú ý chữ "từ xưa", chữ "không có", và câu **liền ngay sau** ("Cũng có những bậc kì tài xuất đầu lộ diện") hay không.

2. Các em có phân biệt được **cá tính** (nét riêng của một con người, thời nào cũng có) với **ý thức cá nhân** (coi thế giới riêng của mình là giá trị đáng nói) không.

3. Các em có phân tích được bài thơ tới mức nhìn ra bài thơ **vừa ủng hộ vừa làm lung lay** nhận định không, thay vì kéo bài thơ về một phía.

Đây là đề dùng để dạy chương 14, vì nó có cả bốn cánh cửa phản biện: chữ tuyệt đối ("từ xưa không có"), phạm vi (cả một xã hội, một thời), mạch văn (câu rào đón đi liền), và cách diễn đạt ("chìm đắm [...] như giọt nước trong biển cả" nghe hơn sự thật).

Đề có hai bẫy riêng.

Bẫy 1: lẫn chữ "ta" của người dịch với chữ của nguyên văn. Bản dịch nghĩa viết "mà ta đã già". Nhưng nguyên văn phiên âm "Thế sự du du nại lão hà" **không có đại từ nhân xưng nào**. Chữ "ta" do người dịch thêm cho trôi câu tiếng Việt. Em nào viết "Đặng Dung dùng chữ 'ta' để tự xưng" là viết điều nguyên văn không có. Em chỉ nói: *bản dịch nghĩa* dùng "ta"; còn nguyên văn *không tự xưng*, và chính điều ấy gần với câu "hoặc họ không tự xưng" của Hoài Thanh.

Bẫy 2: coi Hoài Thanh sai. Hoài Thanh viết năm 1941 (tháng 11, theo sách giáo khoa) để làm nổi bật cái mới của Thơ mới; ông nói "cứ đại thể", ông thừa nhận có "bậc kì tài". Em bác ông bằng một bài thơ là bác một điều ông chưa nói.

Cách làm: nhận, chỉ, chứng, hợp trên một đề có sẵn cả bốn cánh cửa

Bài đi theo bốn nhịp của chương 14, và đặt tên bước theo việc cần làm.

Bước 1. Đọc cả đoạn, không đọc riêng câu. Câu "Xã hội Việt Nam từ xưa không có cá nhân" nằm giữa một đoạn có nhiều ý. Ngay sau câu nói về đoàn thể là câu "Cũng có những bậc kì tài xuất đầu lộ diện", rồi "thảng hoặc họ cũng ghi hình ảnh họ trong văn thơ", rồi "họ cũng không một lần nào dám dùng chữ tôi để nói

chuyện với mình". Ý của đoạn là: *có người xuất sắc, nhưng không có ý thức cá nhân theo nghĩa của Thơ mới.* Đó là điều em phải giải thích đầu tiên.

Bước 2. Nhận. Phần đúng của nhận định: trong "Cảm hoài", cái riêng của người nói **luôn được đo bằng việc chung**. Nỗi hận không phải vì một mất mát riêng mà vì "quốc thù vị báo" (thù nước chưa trả). Người nói tìm chỗ dựa ở những hình mẫu chung: "đồ điếu", "anh hùng". Và nguyên văn không tự xưng.

Bước 3. Chỉ. Phần chưa trọn: nếu nói "bản sắc của cá nhân chìm đắm trong gia đình, trong quốc gia như giọt nước trong biển cả" thì "Cảm hoài" không khớp. Người nói ở đây **nổi bật**: đầu bạc, mài gươm dưới trăng, say ca một mình. Không phải một giọt nước. Và chữ "từ xưa không có" quá rộng.

Bước 4. Chứng. Phân tích kĩ chữ, như dàn ý bên dưới.

Bước 5. Hợp. Quan niệm đầy đủ hơn: người xưa có cá tính, có hoài bão riêng, có nỗi đau riêng; điều chưa có (hoặc chưa thành xu thế) là **coi cái riêng là giá trị tự thân và nói thẳng bằng chữ "tôi"**. Bài thơ không bác nhận định mà **vẽ ranh giới của nó**.

Dàn ý chi tiết

Mở bài (0,5 điểm)

- Câu dẫn từ chỗ vấp: chữ "không có" nghe dứt khoát, nhưng ngay sau câu ấy, chính Hoài Thanh nhắc "những bậc kì tài xuất đầu lộ diện". Hai câu nằm cạnh nhau như có chút giằng co.

- Nêu vấn đề: nhận định của Hoài Thanh về cá nhân trong xã hội xưa, bàn qua "Cảm hoài" của Đặng Dung. Nêu hướng: đồng thuận ở tầng "đại thể", nhưng cần xét lại chữ "không có" và hình ảnh "chìm đắm".

Thân bài

1. Giải thích nhận định (1,0 điểm).

- "Cá nhân" ở đây là con người với ý thức về cái riêng của mình, cái "tôi" "với cái nghĩa tuyệt đối của nó" (tr.86), không chỉ là một người đơn lẻ.

- "Đoàn thể" là các cộng đồng lớn nhỏ: quốc gia, gia đình. "Chìm đắm... như giọt nước trong biển cả" là hình ảnh cái riêng bị cái chung hòa tan, không còn tiếng nói riêng.

- Về quan trọng nhất: "họ cũng không một lần nào dám dùng chữ *tôi* để nói chuyện với mình", "hoặc họ không tự xưng, hoặc họ ẩn mình sau chữ *ta*". Cũng có "những bậc kì tài". Nghĩa là Hoài Thanh nói về một **kiểu ý thức** (tự nhìn mình, nói với mình), không phủ nhận mọi cá tính.

- Phạm vi: Hoài Thanh nói "đại thể" (tr.86), để làm nổi bật cái mới của Thơ mới.

2. Cơ sở lí luận (1,0 điểm).

- Phân biệt **cá tính** và **ý thức cá nhân**. Thời nào cũng có người có cá tính mạnh. Ý thức cá nhân, coi thế giới riêng là điều đáng nói, là một sản phẩm của lịch sử văn hóa.

- Văn học trung đại thường gắn con người với những mối quan hệ lớn (vua, nước, đạo lí), nên nhân vật trữ tình hay mang tư cách đại diện. Đây là đặc trưng chung, không phải quy luật tuyệt đối.

- Một khái quát về thời đại đúng ở "đại thể"; ngoại lệ không lật khái quát, nhưng cho thấy giới hạn của nó.

3. Phân tích "Cảm hoài" (5,5 điểm).

Luận điểm 1. Những chỗ bài thơ ủng hộ nhận định (1,5 điểm).

- Nguyên văn không có đại từ nhân xưng nào: "Thế sự du du nại lão hà" không nói "tôi", không nói "ta". Chữ "ta" trong dịch nghĩa là của người dịch. Người nói "không tự xưng", đúng với điều Hoài Thanh mô tả.

- Nỗi riêng được nói **qua những hình mẫu chung**: "Thời lai đồ điếu thành công dị, / Vận khứ anh hùng ẩm hận đa". Người nói không kể chuyện mình, mà nói

về "anh hùng" nói chung, về Phàn Khoái và Hàn Tín (qua điển cố "đồ điếu"). Đó là cách "ẩn mình sau" một cái chung.

- Thước đo của nỗi đau là việc chung: "Trí chủ hữu hoài phù địa trục", "Quốc thù vị báo". Hoài bão là "giúp chúa", "xoay trục đất", "rửa binh khí". Người nói không hỏi "ta là ai", mà hỏi làm sao giúp được nước.

Luận điểm 2. Những chỗ bài thơ làm lung lay nhận định (2,0 điểm).

- Cái riêng hiện rõ qua hình ảnh thân thể và thời gian cá nhân: "mà ta đã già" (dịch nghĩa), "đầu đã bạc" ("đầu tiên bạch"), "Thế sự ngổn ngang đã vội già" (dịch thơ). Tuổi già là của một người cụ thể.

- Cái riêng hiện rõ qua hành động một mình: "Bao phen mài gươm Long Tuyền dưới trăng" (dịch nghĩa), "Kỉ độ Long Tuyền đới nguyệt ma". Người nói đứng một mình dưới trăng mài gươm; không có đám đông, không có đoàn thể nào bên cạnh trong hình ảnh ấy.

- Cái riêng hiện rõ qua trạng thái tinh thần: "cuộc say ca" (hàm ca), theo chú thích là "trạng thái tinh thần thống khổ hay phấn khích". Người nói tìm chỗ dung thân cho nỗi đau bằng cách say, một cách riêng tư chứ không phải cách của đoàn thể.

- Một người bị "chìm đắm [...] như giọt nước trong biển cả" thì không để lại hình ảnh cụ thể như vậy. Bài thơ có một con người có hơi thở và tuổi tác. Hơn nữa, chính Hoài Thanh đã viết "Cũng có những bậc kì tài xuất đầu lộ diện", câu đi liền ngay với câu đang bàn.

Luận điểm 3. Ranh giới: cá tính đậm, nhưng chưa phải ý thức cá nhân "với cái nghĩa tuyệt đối" (2,0 điểm).

- Nỗi riêng của Đặng Dung **tìm thấy ý nghĩa ở chỗ nó phục vụ cái chung**. Cái "hận" lớn nhất là chưa trả được thù nước, không phải một nỗi đau không nói được thành tên. Với Thơ mới, theo Hoài Thanh, nỗi riêng là đối tượng tự thân ("Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta", tr.87).

- Người nói không quay vào nhìn "mình" như một thế giới. Ngay cả câu "Thế sự du du nại lão hà", trọng tâm vẫn là "thế sự" (việc đời), chưa phải "hồn ta".

- Hoài Thanh viết: "Thời trước, dầu bị oan khuất như Cao Bá Nhạ... vẫn còn có thể nương tựa vào một cái gì không di dịch" (tr.87). Đặng Dung nương vào hoài bão giúp chúa, cứu nước. Bài thơ minh họa chính câu này.

- Kết luận: "Cảm hoài" không bác bỏ nhận định, mà cho thấy nó đúng ở một tầng (kiểu ý thức) và chật ở một tầng khác (chữ "không có", hình ảnh "giọt nước").

Bàn luận, đánh giá (1,5 điểm)

- Giá trị của nhận định: giúp ta thấy một hướng vận động lớn của thơ từ "ta" sang "tôi"; Hoài Thanh có công đặt ra cách nhìn ấy.

- Giới hạn: câu "Xã hội Việt Nam từ xưa không có cá nhân", nếu tách khỏi mạch ("cứ đại thể", "cũng có những bậc kì tài"), nghe tuyệt đối. Một bài thơ như "Cảm hoài" cho thấy cái cá tính trung đại có thể rất đậm.

- Bài học đọc: một nhận định khái quát nên được đọc cùng câu rào đón của nó; và một tác phẩm "ngoại lệ" không để lật đổ khái quát, nhưng để vẽ đường biên.

Kết bài (0,5 điểm)

- Quay về hình ảnh người cầm gươm dưới trăng: một người rất riêng, đứng trong một nỗi lo rất chung. Điều ấy cho thấy ranh giới Hoài Thanh vạch ra.

Biểu điểm

Mục	Điểm	Ghi chú
a. Cấu trúc	0,5	
b. Xác định vấn đề	0,5	Nêu được câu hỏi: bài thơ ủng hộ hay làm lung lay nhận định
c1. Giải thích	1,0	Có ý "đại thể" và "những bậc kì tài" mới trọn

Mục	Điểm	Ghi chú
c2. Cơ sở lí luận	1,0	Phân biệt cá tính và ý thức cá nhân: 0,5
c3. Phân tích	5,5	Luận điểm 1: 1,5; luận điểm 2: 2,0; luận điểm 3: 2,0. Bài chỉ có luận điểm 1 hoặc chỉ có luận điểm 2: tối đa 2,5
c4. Bàn luận	1,5	
d. Chính tả, ngữ pháp	0,5	
đ. Sáng tạo	1,5	Ví dụ: phát hiện nguyên văn không có đại từ nhân xưng; nối câu "nương tựa vào một cái gì không di dịch" với hoài bão của Đặng Dung
Tổng	12,0	0,5 + 0,5 + 1,0 + 1,0 + 5,5 + 1,5 + 0,5 + 1,5

Hai đoạn bài làm mẫu

Đoạn "chỉ" và "chứng" (luận điểm 2).

Nếu nói bản sắc cá nhân "chìm đắm [...] như giọt nước trong biển cả", thì "Cảm hoài" là một giọt nước rất khó hòa tan. Người nói hiện lên với tuổi tác và thân thể cụ thể: "đầu đã bạc", và trong dịch thơ, "Thế sự ngổn ngang đã vội già". Người ấy không đứng trong đám đông mà đứng một mình: "Bao phen mài gươm Long Tuyền dưới trăng". Ngay cả cách ông tìm chỗ dung thân cho nỗi hận cũng là một cách riêng, "cuộc say ca", mà chú thích sách giáo khoa gọi là trạng thái tinh thần "thống khổ hay phẫn khích". Một con người như vậy không thể gọi là bị hòa tan. Cũng cần nhớ, ngay sau câu nói về đoàn thể, chính Hoài

Thanh viết: "Cũng có những bậc kì tài xuất đầu lộ diện". Đặng Dung là một bậc như thế.

Đoạn "hợp" (luận điểm 3).

Điều bài thơ cho ta thấy là ranh giới giữa cá tính và ý thức cá nhân, không phải giữa có người và không có người. Nỗi đau của Đặng Dung rất riêng, nhưng nó có tên là "quốc thù vị báo": nó được đo bằng việc nước. Ông không hỏi "ta là ai", ông hỏi làm sao "kéo sông Ngân xuống" để "rửa binh khí". Nguyên văn cũng không dùng một đại từ nào để tự xưng; chữ "ta" ở dịch nghĩa là chữ của người dịch. Đó đúng là điều Hoài Thanh mô tả: người xưa "không tự xưng" hoặc nói bằng một chữ chung. Nhưng giữa cái "không tự xưng" ấy, tiếng của một con người vẫn vang lên rõ hơn nhiều so với "giọt nước trong biển cả". Vì vậy, đúng hơn, có thể nói: xã hội xưa có những con người rất riêng, nhưng cái riêng ấy chưa thành một thế giới đáng nói với chính mình.

Lỗi riêng của đề này

Nói "Đặng Dung dùng chữ 'ta'". Nguyên văn không có đại từ. Chữ "ta" ở bản dịch nghĩa. Trích dẫn nên ghi rõ bản nào.

Bác Hoài Thanh bằng một bài thơ. Bài viết "Cảm hoài có cá tính, vậy Hoài Thanh sai" bỏ mất chữ "đại thể" và câu "cũng có những bậc kì tài". Hoài Thanh không nói người xưa không có cá tính.

Đồng ý máy móc. Bài chỉ nhắc "nỗi niềm vì nước" rồi kết luận nhận định đúng, không để ý hình ảnh "đầu bạc", "mài gươm dưới trăng" cho thấy một con người cụ thể.

Lạm dụng "ta" và "tôi" thành thuật ngữ. Em viết "đây là cái ta chứ không phải cái tôi" mà không nói chữ ấy đang chỉ điều gì ở bài thơ. Mỗi lần nhắc "ta", "tôi" phải đi kèm một dòng thơ.

Thêm tiểu sử không có trong đề. Chú thích chỉ cho biết điển cố và từ ngữ. Em viết thêm điều về cuộc đời Đặng Dung mà không chắc chắn là thêm rủi

ro. Chỉ dùng điều sách giáo khoa đã ghi (ví dụ ông bị giặc Minh bắt giải đi năm 1414 và đã tuẫn tiết trên đường đi, tr.43), và chỉ khi thật cần.

Đề mở rộng

- Đặt "Cảm hoài" cạnh một bài Thơ mới em đã học, và dùng câu của Hoài Thanh "Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta" (tr.87) làm thước. Viết đoạn khoảng 200 chữ nói: trong "Cảm hoài", "đầu đã bạc" là nỗi riêng nhìn ra ngoài; trong bài Thơ mới ấy, nỗi riêng nhìn vào đâu?

- Thử tìm trong "Cảm hoài" một chữ hoặc một hình ảnh **mà em cho là gần ý thức cá nhân nhất**, và một chữ hoặc hình ảnh **gần cái chung nhất**. Viết hai câu phân tích cho mỗi chỗ, rồi so sánh.

Trích Phụ lục

Phụ lục 3. Những cặp khái niệm dễ nhầm

Đề thi học sinh giỏi lớp 12 hay chọn đúng những chỗ các em đọc lướt: hai chữ nghe gần nhau, nhưng sách giáo khoa dùng cho hai việc khác nhau. Bảng dưới đây giải thích mỗi cặp bằng một hai câu ngắn, kèm ví dụ lấy từ sách Ngữ văn 12 (có ghi tập và trang khi sách có câu chữ riêng). Ở những chỗ sách giáo khoa và sách giáo viên không đưa định nghĩa, sách nói rõ đó là cách phân biệt để dễ nhớ, các em dùng để tự kiểm tra mình, không đặt trong ngoặc kép như lời của sách.

Bảng các cặp khái niệm

Cặp khái niệm	Phân biệt ngắn	Ví dụ trong sách Ngữ văn 12	Xem
Đề tài và chủ đề	Đề tài là phạm vi đời sống được chọn để viết. Chủ đề là vấn đề trọng tâm tác phẩm đặt ra; sách viết "Chủ đề là vấn đề trọng tâm mà tác giả muốn biểu đạt, là tư tưởng quán xuyên trong tác phẩm." (tập hai, tr.92)	"Hồn Trương Ba, da hàng thịt": đề tài là chuyện hồn một người nhập vào xác người khác; chủ đề xoay quanh xung đột giữa con người bên trong và con người bên ngoài (SGV tập hai, tr.96)	Tập 1, Chương 9

Cặp khái niệm	Phân biệt ngắn	Ví dụ trong sách Ngữ văn 12	Xem
Bài học và thông điệp	Thông điệp là điều tác phẩm gửi gắm, nằm ở tác phẩm. Bài học là điều người đọc rút ra cho mình, nằm ở người đọc	"Giấu của": thông điệp gắn với chuyện của cải giấu kĩ mà người giấu không yên, khổ vì chính mình tạo ra (SGV tập một, tr.129); bài học thì mỗi người đọc rút một cách	Tập 1, Chương 5
Kì ảo và hoang đường	Phân biệt thế này để dễ nhớ: kì ảo là một phương thức nghệ thuật có chức năng, có thể bỏ đi để thử xem tác phẩm đổi thế nào; hoang đường thường chỉ cái vô lí, không có căn cứ, ít dùng làm khái niệm lí luận. Sách giáo viên cũng chỉ nêu câu hỏi cho học sinh chia sẻ cách hiểu các từ này (tập một, tr.94)	"Hải khẩu linh từ": kì ảo dùng để lí giải một nội dung hiện thực (SGK tập một, tr.93); phép thử bỏ kì ảo đi là câu hỏi của SGV tr.105	Tập 1, Chương 4

Cặp khái niệm	Phân biệt ngắn	Ví dụ trong sách Ngữ văn 12	Xem
Kì ảo trong truyền kì và trong truyện hiện đại	Truyền kì dùng kì ảo để lí giải một nội dung xã hội, lịch sử. Truyện hiện đại có chỗ kì ảo chỉ tạo bối cảnh, có chỗ bình đẳng với các yếu tố khác (SGV tập một, tr.92 và tr.91)	"Hải khẩu linh từ" đặt cạnh "Muối của rừng"	Tập 1, Chương 4
Hài kịch, trào phúng, châm biếm	Hài kịch là thể loại. Trào phúng là thủ pháp tạo cười; châm biếm, mỉa mai là hai sắc thái của tiếng cười. Sách viết tiếng cười hài kịch có nhiều hướng "từ tiếng cười bông đùa, hài hước đến tiếng cười châm biếm, mỉa mai hay tiếng cười lật tẩy, tố cáo, đả kích" (tập một, tr.130)	"Giấu của" là hài kịch; tiếng cười trong "Xuân Tóc Đỏ cứu quốc" là trào phúng của tiểu thuyết, không phải hài kịch	Tập 1, Chương 5 và 1

Cặp khái niệm	**Phân biệt ngắn**	**Ví dụ trong sách Ngữ văn 12**	**Xem**
Cảm hứng trào lộng và tiếng cười hài kịch	Cảm hứng trào lộng là một cảm hứng sáng tác trong nhiều thể loại; hài kịch là một thể loại. Sách giáo viên viết "Cảm hứng trào lộng cho thấy vị thế đứng cao hơn đối tượng của chủ thể tiếng cười." (tập hai, tr.29)	"Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu": truyện ngắn, không phải kịch, mà vẫn có cảm hứng trào lộng	Tập 1, Chương 6

Cặp khái niệm	Phân biệt ngắn	Ví dụ trong sách Ngữ văn 12	Xem
Nói mỉa và nghịch ngữ	Nói mỉa nhằm tới thái độ mỉa mai, đánh giá phủ định ngầm ẩn. Nghịch ngữ là một cụm từ gây ấn tượng mạnh, làm nổi bật tính chất hai mặt của một tình thế. Sách viết: "Nghịch ngữ thường xuất hiện trong nói mỉa. Ở những trường hợp đó, mỉa mai được nhìn nhận là mục đích của phát ngôn, còn nghịch ngữ được xem là phương tiện thực hiện mục đích này." (tập một, tr.10)	"Xuân Tóc Đỏ vạn tuế! Sự đại bại vạn tuế!" (tập một, tr.17): hai chữ đi liền nhau mà ngược nghĩa	Tập 1, Chương 1

Cặp khái niệm	**Phân biệt ngắn**	**Ví dụ trong sách Ngữ văn 12**	**Xem**
Điển cố và điển tích	Hai từ được dùng với nghĩa tương đương; sách giáo viên nói việc phân biệt rạch ròi còn nhiều quan điểm khác nhau (tập một, tr.93). Trong bài thi, nên dùng một từ và dùng nhất quán, ưu tiên "điển cố" vì sách giáo khoa lấy làm tên bài thực hành tiếng Việt (tập một, tr.114)	"Hải khẩu linh từ": Đố Phụ, Tiêm Đài, vợ họ Trương, tù nước Sở, Li tao (SGV tập một, tr.107)	Tập 1, Chương 4
Người kể chuyện và tác giả	Người kể là một vai trong văn bản; tác giả là người viết ở ngoài văn bản. Sách viết "Người kể chuyện bao giờ cũng kể câu chuyện từ điểm nhìn nhất định, được hiểu là vị trí để quan sát, trần thuật, đánh giá." (Ngữ văn 11, tập một, tr.10)	Người kể trong "Số đỏ" thêm ghi chú trong ngoặc đơn khi thuật lại lời Xuân; đó là giọng của người kể, không đồng nhất với tác giả	Tập 1, Chương 1

Cặp khái niệm	**Phân biệt ngắn**	**Ví dụ trong sách Ngữ văn 12**	**Xem**
Ngôi kể và điểm nhìn	Ngôi kể trả lời "ai kể"; điểm nhìn trả lời nhìn từ đâu, qua mắt ai. Một truyện kể ngôi thứ ba vẫn có thể chuyển điểm nhìn	"Mùa lá rụng trong vườn": người kể "dường như đứng ngang hàng với đối tượng miêu tả" (SGV tập một, tr.33)	Tập 1, Chương 1
Phóng sự, hồi kí, bút kí	Phóng sự đề cao tính chân thực về thời gian, địa điểm, sự kiện, con người, chi tiết (tập hai, tr.38). Hồi kí đề cao tính xác thực của điều được kể, nhưng sự thật đi vào hồi kí đã được lọc qua lăng kính chủ quan (SGK tr.39 và SGV tr.39). Bút kí thiên về ghi chép, cảm nghĩ của người viết trước một chuyến đi, một vùng đất	"Nghệ thuật băm thịt gà" (phóng sự); "Bước vào đời" (hồi kí); bài kí về Mường Lò ở Đề tổng hợp 3 là bút kí, không áp nguyên chữ phóng sự	Tập 1, Chương 7

Cặp khái niệm	**Phân biệt ngắn**	**Ví dụ trong sách Ngữ văn 12**	**Xem**
Chân thực và hư cấu trong kí	Kí không bịa ra sự việc nhưng được dùng thủ pháp hư cấu "ở một mức độ nhất định" (tập hai, tr.38); chân thực ở sự việc, hư cấu ở cách kể	Cách người kể trong "Việc làng" chèn lời trữ tình ngoại đề, dụng ý châm biếm (SGV tập hai, tr.43)	Tập 1, Chương 7

Cặp khái niệm	Phân biệt ngắn	Ví dụ trong sách Ngữ văn 12	Xem
Cổ điển và hiện đại	Cổ điển là một phong cách nghiêng về đề tài cao nhã, cái vĩnh hằng, bất biến (tập một, tr.41). Hiện đại là phạm vi thời đại của tác phẩm. Sách giáo viên nhắc thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh thuộc văn học hiện đại, nhưng do ảnh hưởng sâu sắc của truyền thống nên nhiều bài mang đậm dấu ấn phong cách cổ điển (tập hai, tr.26, diễn ý). Một bài thơ có thể có cả hai, như sách giáo khoa nhận xét về "Mộ" và "Nguyên tiêu" (tập hai, tr.20)	"Mộ", "Nguyên tiêu": tứ tuyệt (cổ điển) nhưng có thép, có người chiến sĩ (hiện đại)	Tập 1, Chương 6 và Tập 2, Chương 14

Cặp khái niệm	Phân biệt ngắn	Ví dụ trong sách Ngữ văn 12	Xem
Hình ảnh và biểu tượng	Hình ảnh là cái hiện ra trong câu thơ; biểu tượng là hình ảnh "mang tính ngụ ý, vượt lên chức năng miêu tả, tạo hình đơn giản; chứa đựng nhiều tầng nghĩa phong phú" (tập một, tr.40)	Tiếng đàn trong "Đàn ghi ta của Lor-ca" là biểu tượng của niềm tin vào sự bất tử của tiếng đàn (SGV tập một, tr.57)	Tập 1, Chương 2
Vay mượn, cải biến, sáng tạo	Vay mượn là dùng lại chất liệu có trước; cải biến, sáng tạo là thêm cái mới. Sách viết vay mượn "không đồng nghĩa với việc 'bê nguyên xi' những gì đã có" (tập một, tr.115)	Truyền thuyết Sơn Tinh, Thuỷ Tinh và các bản làm lại ở phần bài viết tham khảo	Tập 1, Chương 4

Cặp khái niệm	Phân biệt ngắn	Ví dụ trong sách Ngữ văn 12	Xem
Luận đề, luận điểm, bằng chứng	Luận đề là vấn đề lớn của cả văn bản; luận điểm là ý chia nhỏ để chứng minh luận đề; bằng chứng là cái cho thấy luận điểm đúng. Giá trị văn bản nghị luận "được quyết định bởi ý nghĩa của vấn đề đặt ra (luận đề) và nghệ thuật lập luận" (tập một, tr.62)	"Nhìn về vốn văn hoá dân tộc" (Trần Đình Hượu)	Tập 1, Chương 3
Nhân vật trữ tình và tác giả	Nhân vật trữ tình là cái tôi trong bài thơ; không đồng nhất máy móc với đời tư tác giả	"Vội vàng": nhân vật trữ tình "yêu đời, ham sống" nhưng cũng "đầy tuyệt vọng" khi nhận ra đời người hữu hạn (SGV tập hai, tr.86)	Tập 1, Chương 9

Cặp khái niệm	Phân biệt ngắn	Ví dụ trong sách Ngữ văn 12	Xem
Phong cách chung của trường phái và phong cách riêng của nhà văn	Hai thứ không loại trừ nhau; sách chuyên đề viết: "Phong cách sáng tác chung của trường phái văn học không mâu thuẫn hay loại trừ phong cách nghệ thuật riêng của từng nhà văn thuộc trường phái đó." (tr.57)	Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nam Cao cùng một dòng hiện thực phê phán, mỗi người một giọng	Tập 1, Chương 8
Giá trị hiện thực và phong cách hiện thực	Tác phẩm nào cũng có thể có giá trị hiện thực; phong cách hiện thực là một cách viết có đặc điểm riêng (SGK tập một, tr.10)	"Số đỏ" có phi lí mà vẫn "có cơ sở hiện thực" (SGV tập một, tr.23)	Tập 1, Chương 1 và 8
Bi và hài	Hài là tiếng cười, bi là nỗi buồn; trong "Số đỏ" chúng xen lẫn nhau chứ không đứng cạnh nhau như hai nửa. Cũng không nhầm "bi" của xã hội với bi kịch của nhân vật	Theo SGV tập một, tr.24: "tất cả những gì đang diễn ra trong xã hội đều là một tấn trò não nuột, xen lẫn bi và hài."	Tập 1, Chương 1

Cặp khái niệm	**Phân biệt ngắn**	**Ví dụ trong sách Ngữ văn 12**	**Xem**
Cơ sở, mục đích và phương diện so sánh	Cơ sở là chỗ hai tác phẩm gặp nhau; mục đích là so sánh để làm gì; phương diện là các mặt đem ra so. Sách giáo viên nhắc "phân biệt rạch ròi các khái niệm: mục đích so sánh, cơ sở của việc so sánh, các phương diện cần so sánh" (tập một, tr.38)	"Xuân Tóc Đỏ cứu quốc" với "Chí Phèo": cơ sở là một nhân vật đáy xã hội cất lời trước người khác	Tập 2, Chương 11
Tương đồng và giống nhau bề ngoài	Tương đồng cần có dẫn chứng của cả hai bên và lí giải nguyên nhân; giống nhau bề ngoài (cùng đề tài, cùng nhân vật nghèo) chưa đủ để thành điểm tương đồng có giá trị	Hai cuộc trở về ở Đề tổng hợp 5 cùng nói "trở về" nhưng không cùng nói một điều	Tập 2, Chương 11

Cặp khái niệm	**Phân biệt ngắn**	**Ví dụ trong sách Ngữ văn 12**	**Xem**
Dữ liệu sơ cấp và thứ cấp	Dữ liệu sơ cấp là dữ liệu người viết thu thập trực tiếp qua quan sát, phỏng vấn, điều tra, thí nghiệm; dữ liệu thứ cấp lấy từ nguồn có sẵn. Sách giáo viên viết dữ liệu thứ cấp là dữ liệu "có được từ những nguồn tài liệu đáng tin cậy, các dữ liệu đều được chú thích rõ nguồn gốc" (tập hai, tr.68)	"Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục" (Nguyễn Nam)	Tập 2, Chương 15
Văn bản thông tin và nhận định về văn bản thông tin	Văn bản thông tin đưa dữ liệu; nhận định như "văn bản thông tin chỉ thực sự có giá trị khi cung cấp được cho người đọc những thông tin mới, đáng tin cậy" (tập hai, tr.63) là một ý kiến để bàn, không phải dữ liệu	Đề NLXH rút từ nhận định ấy (Chương 13)	Tập 2, Chương 13 và 15

Cặp khái niệm	Phân biệt ngắn	Ví dụ trong sách Ngữ văn 12	Xem
Văn chính luận và văn nghị luận văn học	Văn chính luận bàn việc chính trị, xã hội trọng đại; sách gọi "Tuyên ngôn Độc lập" là "áng văn chính luận mẫu mực" (tập hai, tr.17). Nghị luận văn học bàn về văn chương	"Tuyên ngôn Độc lập" và "Mấy ý nghĩ về thơ"	Tập 1, Chương 3 và 6

Ba cặp hay làm các em mất điểm nhất

Một: bi và hài, không phải bi hoặc hài. Đề về "Số đỏ" gần như luôn kèm chữ "xen lẫn" hoặc một chữ tương tự. Bài chia thân bài làm hai nửa (nửa hài, nửa bi) thì cắt rời điều sách giáo viên nói là không rời. Khi gặp một nhận định có hai vế nối bằng "vừa... vừa" hoặc "xen lẫn", các em tự hỏi: hai vế có đứng chung trong từng chi tiết không?

Hai: người kể và tác giả. Một cảnh kể bằng giọng khen ngợi chưa chắc là tác giả khen. Ở "Nghệ thuật băm thịt gà", những lời trữ tình ngoại đề đầy thán phục "không phải là lời ngợi ca tài năng và nghệ thuật mà là lời châm biếm về hủ tục chia phần khủng khiếp ở làng quê này" (SGV tập hai, tr.43). Bài nào ghi tác giả ca ngợi anh mõ là đã bị lừa bởi chính giọng kể.

Ba: cổ điển và hiện đại, không phải cũ và mới. Hai bài tứ tuyệt chữ Hán của Hồ Chí Minh cổ điển ở thể thơ và đề tài, nhưng sách giáo khoa nói chúng đều thể hiện "đặc trưng, phong cách cổ điển mà hiện đại" (tập hai, tr.20). Em nào chia "Mộ" là cổ điển, "Nguyên tiêu" là hiện đại, hoặc ngược lại, là chia sai: cả hai bài đều mang cả hai tính chất.

Bộ sách đầy đủ

Bản đọc thử gồm phần giới thiệu và một số trang trích. Bộ sách đầy đủ gồm hai tập, tổng cộng 931 trang khổ A4: Tập 1 có chín chương với 36 đề thực hành trọn vẹn; Tập 2 có sáu chương kĩ năng, bộ bài tập luyện tay, sáu đề không kèm ngữ liệu, sáu đề tổng hợp thang 20, đề thật có phân tích, bốn bài làm hoàn chỉnh và sáu phụ lục.

Thầy cô và các em cần trọn bộ hai tập, xin liên hệ:

- Trang Kết Nối Tri Thức | Ngữ Văn: facebook.com/Nguvantrunghoc

- Zalo: 0328 961 617